

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu.

** Tên gói thầu: Gói thầu số 03/TV: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.*

** Tên công trình là: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các xã Mộ Đức, Mộ Cày, Ba Dinh, Ba Vì, Ba Tô năm 2026; Hoàn thiện, chống quá tải lưới điện khu vực phường Cẩm Thành và xã An Phú năm 2026*

** Quy mô của công trình:*

*** Quy mô công trình: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các xã Mộ Đức, Mộ Cày, Ba Dinh, Ba Vì, Ba Tô năm 2026*

- Phần đường dây trung áp:

Tổng chiều dài tuyến đường dây trung áp XDM và cải tạo: 6.753 km. Trong đó:

+ Đường dây trung áp xây dựng mới đi ngầm (mạch kép): 162 mét (chính tuyến).

+ Đường dây trung áp xây dựng mới trên không (mạch kép): 240 mét (chính tuyến).

+ Đường dây trung áp xây dựng mới trên không (mạch đơn): 702 mét (chính tuyến).

+ Đường dây trung áp cải tạo trên không (mạch kép): 216 mét.

+ Đường dây trung áp cải tạo trên không (mạch đơn): 5.433 mét.

- Phần đường dây chống sét:

Tổng chiều dài tuyến đường dây 22kV lắp đặt treo dây chống sét dài: 5.500 mét.

- Phần thiết bị đóng cắt: Tháo ra, lắp đặt lại trọn bộ thiết bị đóng cắt máy cắt REC-24kV: 01 (trọn bộ).

*** Quy mô công trình: Hoàn thiện, chống quá tải lưới điện khu vực phường Cẩm Thành và xã An Phú năm 2026*

- Đường dây trung áp: Tổng chiều dài tuyến : 0,248 km. Trong đó:

+ Đường dây trên không XDM : 0,248 km;

- Đường dây hạ áp: Tổng chiều dài tuyến : 7,316 km. Trong đó:

+ Đường dây trên không XDM đi độc lập : 2,101 km.

+ Đường dây trên không đi kết hợp : 5,215 km.

- Trạm biến áp phụ tải:

+ Trạm biến áp xây dựng mới : 05 trạm. Trong đó:

++ Trạm biến áp 250kVA-22/0,4kV : 05 trạm.

+ Trạm biến áp nâng dung lượng : 08 trạm. Trong đó:

++ Trạm biến áp 400kVA-22/0,4kV : 06 trạm.

++ Trạm biến áp 250kVA-22/0,4kV : 02 trạm.

* Địa điểm xây dựng dự án: Các xã Mộ Đức, Mộ Cày, Ba Dinh, Ba Vì, Ba Tô, An Phú và phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu: Tuyển chọn Nhà thầu tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật, quy định, quy phạm ngành điện, tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý dự án và quản lý vận hành sau này; chi phí tư vấn với giá thành hợp lý.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).

a) Phạm vi công việc: Thực hiện trên quy mô nêu tại mục I.1.

a.1) Nội dung:

- Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát, lập kế hoạch và qui trình kiểm soát chất lượng, qui trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng và trình chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình, bao gồm:

+ Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

+ Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về nguyên vật liệu, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của nhà thầu thi công.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

+ Giám sát, kiểm tra sự phù hợp của biện pháp thi công do nhà thầu thi công đề trình;

+ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải được ghi vào biên bản kiểm tra theo quy định;

+ Giám sát, kiểm tra chất lượng VTTB mà nhà thầu thi công sử dụng để thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ thiết kế được duyệt. Trường hợp nghi ngờ chất lượng vật tư, nguyên vật liệu thì báo cáo chủ đầu tư để tiến hành kiểm tra;

+ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn thi công, nghiệm thu hiện trường, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình và hoàn thành công trình;

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế (nếu có) và kiến nghị với chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh;

+ Báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư để tổ chức kiểm định chất lượng hạng mục thi công khi có nghi ngờ về chất lượng;

+ Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản có liên quan).

+ Giám sát và báo cáo Chủ đầu tư về tiến độ thi công tại các thời điểm hoàn thành các công tác thi công được tiến hành đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, các tiêu chí thực hiện và tiến độ quản lý chất lượng. Cung cấp cho Chủ đầu tư báo cáo tiến độ thường xuyên hàng tuần (vào 16 giờ 00 phút của ngày thứ Năm), hàng tháng (vào ngày 28).

+ Thực hiện giám sát biện pháp thi công, an toàn lao động, vệ sinh công trường... của nhà thầu thi công xây dựng.

+ Tham dự các cuộc họp phối hợp theo yêu cầu của chủ đầu tư trong suốt quá trình thi công.

+ Kiểm tra và xác nhận tất cả các bản vẽ hoàn công của nhà thầu thi công xây dựng sau khi hoàn thành.

+ Thường xuyên kiểm tra và ký xác nhận nhật ký thi công công trình (Gồm nhật ký giấy và nhật ký điện tử).

+ Báo cáo lên Chủ đầu tư các công việc còn tồn tại và danh sách các công tác cần thiết phải sửa chữa.

+ Thực hiện các trách nhiệm khác theo như hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan.

a.2) Công tác chụp ảnh:

a.2.1) Chụp ảnh trong quá trình giám sát thi công:

Trong quá trình giám sát thi công, yêu cầu TVGS phải thực hiện việc chụp ảnh cấu kiện thi công để phục vụ công tác quản lý chất lượng công trình. Nội dung, cách thức chụp ảnh, lưu trữ, báo cáo được thực hiện theo quy định của EVN (Quyết định số 1100/EVN ngày 25/7/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối), bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

a.2.2) Quy định chụp ảnh:

- Phải thể hiện rõ được cấu kiện cần chụp;

- Phải có bảng tên thể hiện các nội dung về tên cấu kiện, tên vị trí, tên xuất tuyến hoặc hạng mục, tên gói thầu, tên công trình, tên dự án, ngày chụp. Trường hợp cấu kiện đúc tập trung bỏ nội dung tên vị trí, tên xuất tuyến hoặc hạng mục; Mẫu bảng tên trên ảnh chụp thực hiện theo biểu mẫu BM.NBPP.THDA.TXCL.02.04

- Phải thể hiện thời gian và tọa độ GPS tại vị trí chụp;

- Phải thể hiện rõ kích thước khi được phóng to (không bị nhòe, hiển thị rõ số đo của thước).

a.2.3) Quy định số lượng:

* Đối với móng đúc tại chỗ: gồm 04 hình ảnh/vị trí, cụ thể:

- Hình 01: Sau khi hoàn thành công tác đào móng, lắp đặt cốt pha, cốt thép và đổ bê tông lót. Hình ảnh phải thể hiện các kích thước độ sâu, chiều dài, rộng của hố móng

- Hình 02: Trong quá trình đổ bê tông móng (khoảng ½ khối lượng bê tông móng), hình ảnh phải có mặt của cán bộ giám sát.

- Hình 03: Sau khi tháo cốt pha. Hình ảnh phải thể hiện chiều cao, chiều rộng và chiều dài mặt móng.

- Hình 04: Sau khi hoàn thành công tác dựng cột, lắp đất, hoàn trả mặt bằng, dọn dẹp vệ sinh môi trường. Hình ảnh phải thể hiện rõ mặt bằng móng.

Ghi chú: Các hình 01, 02, 03 được lưu vào giai đoạn đúc móng; hình 04 được lưu vào giai đoạn dựng cột trong chương trình QLĐTXD.

* Đối với móng đúc tập trung: gồm 04 hình ảnh/vị trí, cụ thể:

- Hình 01: Sau khi hoàn thành các công tác lắp đặt lớp lót, cốp pha, cốt thép. Yêu cầu phải thể hiện rõ kích thước của lồng thép.

- Hình 02: Trong quá trình đổ bê tông móng (khoảng 1/2 khối lượng bê tông). Yêu cầu hình ảnh phải có mặt của cán bộ giám sát.

- Hình 03: Sau khi đặt móng vào hố móng. Yêu cầu hình ảnh phải thể hiện chiều cao, chiều rộng và chiều dài mặt móng.

- Hình 04: Sau khi hoàn thành công tác dựng cột, lắp đất, hoàn trả mặt bằng, dọn dẹp vệ sinh môi trường. Yêu cầu hình ảnh phải thể hiện rõ mặt bằng móng.

* Đối với móng thanh ngang, móng néo: Móng thanh ngang và móng néo thực hiện như móng đúc tập trung. Trường hợp thanh ngang và móng néo được mua từ đơn vị khác thì phải có hồ sơ quản lý chất lượng sản phẩm, chứng chỉ xuất xưởng, thử nghiệm của đơn vị sản xuất phù hợp với lô hàng được cấp. TVGS phải trực tiếp kiểm tra xưởng/nhà máy sản xuất thanh ngang, móng néo và chụp hình hoặc hướng dẫn nhà sản xuất cung cấp hình 01, hình 02 như móng đúc tập trung theo quy định của EVNCPC. Các hình còn lại chụp như quy định trên.

* Đối với tiếp địa: tối thiểu 03 hình ảnh/vị trí.

- Hình 01: Chụp chiều dài cọc tiếp địa tại điểm thi công.

- Hình 02: Chụp độ chôn sâu của dây tiếp địa (tại điểm hàn vào cọc).

- Hình 03: Chụp các tia của hệ thống tiếp địa (trước khi lắp đất). Khi chụp phải có cờ chỉ thị điểm cuối cùng của tia. Số lượng ảnh tùy thuộc vào số lượng tia theo thiết kế.

* Mương cáp ngầm: Không giới hạn số lượng vị trí chụp nhưng tối thiểu: chiều dài đến 100m: 3 vị trí chụp; chiều dài > 100m: 40m chụp ảnh 1 vị trí.

- Hình 01: Chụp ảnh sau khi hoàn thành đào mương cáp (thể hiện chiều rộng, chiều sâu mương cáp).

- Hình 02: Chụp ảnh sau khi đặt ống bảo vệ (chưa lắp đất), hoặc đặt cáp (nếu cáp được chôn trực tiếp trong đất).

- Hình 03: Chụp ảnh sau khi đặt lớp bảo vệ cáp.

Lưu ý: các giai đoạn chụp hình ảnh trên, bảng tên phải thể hiện thông tin lý trình vị trí chụp và có thước đo để thể hiện kích thước đối tượng.

* Đối với hộp nối cáp ngầm: gồm 5 hình/hộp nối thi công làm hộp nối cáp ngầm các giai đoạn :

- Hình 01: Sau khi loại bỏ lớp vỏ kim loại.

- Hình 02: Sau khi cạo lớp bán dẫn và lớp cách điện.

- Hình 03: Sau khi ép cốt nối.

- Hình 04: Sau khi nong stresscone, cuốn băng keo tái lập.

- Hình 05: Sau khi hoàn thiện hộp nối kể cả phần tiếp địa vỏ cáp.

* Đối với công tác nối dây, làm khóa néo dây dẫn có lõi thép bằng phương pháp ép thủy lực: gồm 03 hình/vị trí.

- Hình 01: Sau khi cắt dây, hình ảnh phải thể hiện chiều dài lõi thép trước khi ép.

- Hình 02: Sau khi ép lõi thép.

- Hình 03: Sau khi hoàn thiện.

Đối với dây dẫn bọc không có lõi thép: 02 hình/vị trí.

- Hình 01: Sau khi tách vỏ bọc. Yêu cầu thể hiện chiều dài phần dây trước khi ép.

- Hình 02: Sau khi hoàn thiện.

Ghi chú: Không thực hiện chụp ảnh đối với vị trí ép lèo ở trên cao.

* Đối với đầu cáp ngầm: gồm 03 hình/đầu cáp.

- Hình 01: Sau khi bóc lớp bán dẫn và làm xong dây tiếp đất.

- Hình 02: Trước khi ép đầu cốt. Yêu cầu thể hiện chiều dài của lõi cáp cần ép.

- Hình 03: Sau hoàn thiện.

* Lưu ý: các giai đoạn chụp hình ảnh trên, bảng tên phải thể hiện thông tin vị trí chụp và có thước đo để thể hiện kích thước đối tượng. Quy định thước đo: phải có số đo to (bản mặt thước $\geq 02\text{cm}$), rõ ràng, không sử dụng thước mềm (băng vải cuộn, băng nylon...).

* Đối với phần ngầm có điều chỉnh thiết kế: Phải chụp hình ảnh thể hiện hiện trạng trước điều chỉnh, số lượng ảnh đủ để thể hiện các thông tin chính phục vụ quá trình thẩm tra, thẩm định thiết kế điều chỉnh.

* Đối với công tác lắp đặt thiết bị: Tối thiểu 2 hình ảnh/1 vị trí chụp: 1 hình thể hiện chi tiết thiết bị lắp đặt; 01 hình thể hiện công tác hoàn thành công tác lắp đặt.

a.2.4) Cập nhật hình ảnh:

Việc chụp ảnh và tải lên (upload) chương trình Hệ thống quản lý đầu tư xây dựng tại website <https://imis.evn.com.vn/> phải kịp thời. Thời gian chụp và thời gian upload lên chương trình không quá 5 ngày.

Cần đưa đúng số lượng hình theo quy định lên chương trình, không đưa quá nhiều hình giống nhau làm lãng phí tài nguyên máy chủ (server).

a.3) Nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu: Thực hiện theo Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022.

Cần lưu ý:

Các hình ảnh hiện trạng công trình trong quá trình thi công điển hình phải được chụp ảnh lưu hồ sơ và quay video (đặc biệt đối với các bộ phận công trình ngầm, bị che khuất... việc quay video là bắt buộc trước khi chuyển sang công việc tiếp theo). Các hình ảnh điển hình công trình bao gồm nhưng không hạn chế:

a.3.1) Mặt bằng hồ móng sau khi đào hoàn thiện, đặc biệt tại các vị trí xử lý điều chỉnh thiết kế, cho phép nghiệm thu để đổ bê tông kết cấu che khuất, trừ các hồ móng kênh mương theo tuyến, dọc đường giao thông.

a.3.2) Hình ảnh thể hiện hình dạng khối đổ bê tông:

+ Lắp dựng cốt thép, chi tiết đặt sẵn, xử lý bề mặt (sờm, bitum, bao tải tẩm,...) cốp pha...;

+ Công tác chuẩn bị điều kiện để tổ chức thi công khối đổ;

+ Công tác bảo dưỡng bê tông;

+ Bề mặt bê tông sau khi tháo cốp pha (đặc biệt bề mặt bê tông hoàn thiện)

+ Trước, trong, sau xử lý các khuyết tật bê tông (nếu có).

a.3.3) Các hình ảnh điển hình trước khi xử lý và sau khi kết thúc xử lý sự cố.

a.3.4) Các hình ảnh điển hình khác liên quan đến công tác chuyển bước thi công, chuyển giai đoạn thi công mà sau đó sẽ bị che khuất bởi kết cấu công trình.

a.3.5) Các hình ảnh khác theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan yêu cầu trong quá trình kiểm tra, giám sát công trình.

a.3.6) Hình ảnh chụp và được lưu trữ theo định dạng được các bên thỏa thuận trước khi thi công, phải gắn với thời gian và không gian thực và là một phần không tách rời của nhật ký thi công. Trên hình chụp phải thể hiện được tên hạng mục/vị trí, các kích thước chính, các nội dung chính mong muốn thể hiện để lưu giữ (chiều sâu, chiều rộng, mặt nghiêng, vết nứt, lộ đá... Các hình ảnh đó được trích xuất những nội dung cần thiết đưa vào hồ sơ nghiệm thu công trình xây dựng theo yêu cầu nghiệm thu và hồ sơ hoàn công hạng mục/công trình.

a.4) Yêu cầu chung:

- Nội dung và khối lượng nghiệm thu phải tuân thủ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Nguồn vốn thực hiện gói thầu: KHCB và vay TDTM kế hoạch ĐTXD của Tổng công ty Điện lực miền Trung.

c) Cơ quan thực hiện dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Quảng Ngãi.

- Quản lý dự án: Công ty Điện lực Quảng Ngãi

d) Tiến độ thực hiện: dự kiến 150 ngày (kể từ ngày khởi công công trình đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng)

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

2.1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại trong hợp đồng.

2.2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu tư vấn”

2.3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư với tổng thời hạn và theo hình thức được nêu trong phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu tư vấn”

2.4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng

2.5. Tạo điều kiện thuận lợi để chủ đầu tư kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hợp đồng

2.6. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, trước pháp luật về thực hiện đúng thủ tục đầu tư xây dựng cho các phần việc giám sát, về chất lượng giám sát của mình, chịu sự kiểm tra thường xuyên của chủ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng

2.7. Bồi thường thiệt hại khi thực hiện không đúng nhiệm vụ, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng không phù hợp và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của nhà thầu tư vấn gây ra

2.8 Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 9 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi ký hợp đồng dịch vụ tư vấn.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo phải nộp: Nộp Báo cáo thi công hàng tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ nộp báo cáo: Theo tiến độ thực hiện nêu trên và các yêu cầu của chủ đầu tư bằng văn bản riêng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu và nhân sự cần thiết cho gói thầu được nêu cụ thể tại Nội dung số 3 (Nhân sự chủ chốt) trong Bảng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của E-HSĐT (Mục 2, Chương III)

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Phối hợp chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, số liệu và các văn bản liên quan cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Tổ chức nghiệm thu sản phẩm hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng quy định.

PHỤ LỤC 1.BDL:
TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
CỦA NHÂN SỰ TƯ VẤN

TT	Nội dung tài liệu	Giám sát trưởng	Giám sát phần xây dựng công trình	Giám sát phần điện công trình	Ghi chú
I	Năng lực				
1	Lý lịch chuyên gia theo mẫu số 7	X	X	X	
2	Chứng chỉ hành nghề chuyên môn ⁽¹⁾	X	X	X	Bản chứng thực
3	Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia	X	X	X	
II	Kinh nghiệm				
	Công trình mà nhân sự chủ chốt của tư vấn đã thực hiện phải được chứng minh bằng các tài liệu sau đây:				
1	Xác nhận của chủ đầu tư chứng tỏ nhân sự đã đảm nhiệm chức danh <i>Giám sát trưởng/ Giám sát</i> cho công trình/dự án cụ thể của mình, đã hoàn thành công tác tư vấn (đảm bảo chất lượng, đã được chấp nhận nghiệm thu), hoặc	X	X	X	Bản chứng thực
2	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng có ghi tên của nhân sự đảm nhiệm chức danh Giám sát trưởng/ Giám sát.	X	X	X	Bản chứng thực

Ghi chú: Các vị trí được đánh dấu "X" là nội dung yêu cầu phải có tài liệu chứng minh.

(1) Chứng chỉ hành nghề chuyên môn:

- Giám sát trưởng: Có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng phù hợp với công tác đảm nhận, từ hạng III trở lên (còn hiệu lực);
- Giám sát phần xây dựng công trình/ phần điện công trình: Có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng phù hợp với công tác đảm nhận, từ hạng III trở lên (còn hiệu lực);

PHỤ LỤC 2.BDL:
TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM NHÀ THẦU

TT	Nội dung tài liệu	Năng lực và kinh nghiệm Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Ghi chú
1	Bảng liệt kê cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn theo Mẫu số 4 – Chương IV	X	
2	Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm đã thực hiện các gói thầu tư vấn bao gồm:		
2.1	<i>Hợp đồng dịch vụ tư vấn giám sát</i>	X	<i>Bản chứng thực</i>
2.2	<i>Xác nhận của chủ dự án chứng tỏ hợp đồng này đã được nhà thầu tư vấn đã thực hiện hoàn thành công tác giám sát và đã được chấp nhận nghiệm thu; hoặc là</i>	X	<i>Bản chứng thực</i>
2.3	<i>Các tài liệu khác (nếu không có tài liệu mục 2.2), bao gồm:</i>		
-	<i>Biên bản nghiệm thu công tác giám sát với chủ đầu tư; hoặc Biên bản nghiệm thu (hoàn thành đưa vào sử dụng) hoặc Giấy xác nhận công trình đã được nghiệm thu của chủ đầu tư</i>	X	<i>Bản chứng thực</i>

Ghi chú: Các vị trí được đánh dấu "X" là nội dung yêu cầu phải có tài liệu chứng minh.

a) Các quy định chung:

(1) Gói thầu tương tự: Gói thầu nhà thầu đã thực hiện có tính chất tương tự với gói thầu đang xét là gói thầu tương tự về nội dung công việc và tính chất công trình, cụ thể:

- *Tương tự về nội dung công việc:*

Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp cấp IV trở lên.

- *Tương tự về tính chất công trình:*

Gói thầu đang xét là công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 0,4kV trở lên.

(2) Công trình/dự án tương tự của các nhân sự tư vấn chủ chốt: Là công trình/dự án mà nhân sự đó đã được thực hiện toàn bộ với chức danh

tương tự, cụ thể: Công trình tương tự được hiểu là công trình có tính chất tương tự với công trình mà nhân sự sẽ đảm nhiệm cho gói thầu đang xét, như: Công trình đường dây và trạm biến áp, cấp IV trở lên.

2. Các yêu cầu khác: Bảng liệt kê các máy móc trang thiết bị chủ yếu, phần mềm phục vụ công tác giám sát:

TT	Tên hạng mục	Số lượng tối thiểu	Ghi chú
1	<i>Thước cuộn</i>	01	
2	<i>Thước kẹp</i>	01	
3	<i>Súng bật nảy bê tông</i>	01	
4	<i>Máy đo điện trở nối đất</i>	01	
5	<i>Máy đo bề dày lớp mạ</i>	01	
6	<i>Máy tính xách tay</i>	01	
7	<i>Máy chụp ảnh (có thể hiện tọa độ, thời gian) hoặc điện thoại thông minh (có cài phần mềm chụp ảnh hiển thị tọa độ, thời gian)</i>	02	

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ E-HSDT TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LIÊN DANH
(Bảng số 01 Webform - Chương III):

I/ Nguyên tắc chung đánh giá, chấm điểm:

- Từng thành viên liên danh phải đáp ứng tính hợp lệ của E-HSDT.

- E-HSDT nhà thầu liên danh được đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi:
(i) từng thành viên liên danh có tổng điểm kỹ thuật không thấp hơn 70% điểm tối đa nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh) và (ii) từng thành viên liên danh có mức điểm điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết (tại mục số 1, 3, 4 bảng số 01 Webform chương III) không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết đó nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu (trong thỏa thuận liên danh), theo phương pháp chấm điểm như mục II dưới đây.

- Điểm chấm nhà thầu liên danh bằng tổng điểm các thành viên liên danh.

II/ Phương pháp chấm điểm:

1/ Chấm điểm kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (mục 1 bảng số 01 Webform chương III):

(i) Từng thành viên liên danh được đánh giá, chấm điểm theo nguyên tắc:

(i.1) Quy đổi thang điểm chi tiết và số gói thầu tương tự yêu cầu của các thành viên theo tỷ lệ % trong thỏa thuận liên danh, không làm tròn số thập phân (nếu có).

(i.2) Chấm điểm từng thành viên liên danh trên cơ sở số lượng gói thầu tương tự chào thầu đáp ứng của thành viên liên danh so với gói thầu quy đổi (tại mục i.1)- trường hợp gói thầu quy đổi có giá trị thập phân: áp dụng giá trị cận trên gần nhất để làm cơ sở tính điểm; trường hợp cận trên và cận dưới gói thầu quy đổi so với số lượng gói thầu tương tự đáp ứng chào thầu của thành viên liên danh bằng nhau, áp dụng giá trị cận trên để làm cơ sở chấm điểm.

(ii) Điểm nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

Tham khảo ví dụ 1 mục III dưới đây

2/ Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (mục 2):

(i) Chấm điểm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của từng thành viên liên danh theo thang điểm (mục 2 bảng số 01 Webform chương III).

(ii) Quy đổi điểm chấm của từng thành viên liên danh trên cơ sở điểm của thành viên liên danh nhân (x) với tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

(ii) Điểm của nhà thầu liên danh được tính bằng tổng điểm của các thành viên liên danh.

Tham khảo ví dụ 2 mục III dưới đây

3/ Chấm điểm giải pháp và phương pháp luận: Đánh giá trên cơ sở Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất

(i) Chấm điểm nhà thầu liên danh dựa trên Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh đề xuất theo thang điểm (mục 3 bảng số 01 Webform chương III).

(ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân (mục i) với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

Tham khảo ví dụ 3 mục III dưới đây

4/ Chấm điểm nhân sự chủ chốt: Đánh giá trên cơ sở cơ sở đề xuất, tài liệu của nhà thầu liên danh

(i) Chấm điểm từng vị trí nhân sự chủ chốt của nhà thầu liên danh dựa trên đề xuất của nhà thầu liên danh theo thang điểm (mục 4 bảng số 01 Webform chương III).

(ii) Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

Tham khảo ví dụ 4 mục III dưới đây

III. Các ví dụ:

Ví dụ 1 (mục 1, Bảng số 01 Webform - Chương III): gói thầu đang xét là Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị, E-HSMT quy định như sau:

Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu	15		9
≥ 5 gói thầu		15	
4 gói thầu		12	
3 gói thầu		9	
2 gói thầu		6	
1 gói thầu		3	
0 gói thầu		0	

- Trường hợp liên danh phân chia theo % khối lượng công việc (các thành viên đều thực hiện tất cả các nội dung công việc của gói thầu theo tỷ lệ được phân chia trong thỏa thuận liên danh), mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng điểm tối thiểu tương ứng với tỷ lệ % giá trị đảm nhận.

Quy đổi số gói thầu tương tự và thang điểm chi tiết của các thành viên theo tỷ lệ trong thỏa thuận liên danh:

Số gói thầu	Thang điểm chi tiết	Thành viên A 70%	Thành viên B 30%
-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Theo E-HSMT		→			
(1)	(2)	Gói thầu quy đổi	Điểm quy đổi	Gói thầu quy đổi	Điểm quy đổi
		(3) = 70%*(1)	(4) = 70%*(2)	(3') = 30%*(1)	(4') = 30%*(2)
5	15	3,5	10,5	1,5	4,5
4	12	2,8	8,4	1,2	3,6
3	9	2,1	6,3	0,9	2,7
2	6	1,4	4,2	0,6	1,8
1	3	0,7	2,1	0,3	0,9
0	0	0	0	0	0

+ Nếu thành viên A có 03 gói thầu tương tự, thành viên B có 01 gói thầu tương tự thì điểm được tính như sau: Thành viên A = 8,4 điểm (03 gói thầu gần số gói thầu quy đổi 2,8 nhất). Thành viên B = 2,7 điểm (01 gói thầu gần số gói thầu quy đổi 0,9 nhất). Điểm của nhà thầu liên danh là $8,4 + 2,7 = 11,1$ điểm. Trong trường hợp này, cả 02 thành viên đều đáp ứng điểm tối thiểu và nhà thầu liên danh cũng đáp ứng điểm tối thiểu.

+ Nếu thành viên A có 01 gói thầu tương tự, thành viên B có 02 gói thầu tương tự thì điểm được tính như sau: Thành viên A = 2,1 điểm (01 gói thầu gần số gói thầu quy đổi 0,7 nhất). Thành viên B = 4,5 điểm (02 gói thầu gần số gói thầu quy đổi 1,5 nhất). Điểm của nhà thầu liên danh là $2,1 + 4,5 = 6,6$ điểm. Trong trường hợp này, thành viên A không đáp ứng điểm tối thiểu và nhà thầu liên danh cũng không đáp ứng điểm tối thiểu.

- Trường hợp liên danh phân chia theo nội dung công việc (các thành viên thực hiện công việc khác nhau trong gói thầu), mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng **100% nội dung công việc đảm nhận trong liên danh như nhà thầu độc lập**, điểm của từng thành viên liên danh được tính như nhà thầu độc lập, sau đó nhân với tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong liên danh.

Gói thầu đang xét là Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị, trường hợp phân chia công việc trong liên danh thành viên A đảm nhận công tác X tương ứng 70%, thành viên B đảm nhận công tác Y tương ứng 30%. Điểm tối thiểu của thành viên A phải đạt $= 9 \text{ điểm} * 70\% = 6,3$ điểm, điểm tối thiểu của thành viên B phải đạt $= 9 \text{ điểm} * 30\% = 2,7$ điểm. Cách xác định điểm các thành viên quy ước như sau:

+ Nếu thành viên A có 03 gói thầu tương tự, thành viên B có 02 gói thầu tương tự thì điểm được tính như sau: Thành viên A = $9 \text{ điểm} * 70\% = 6,3$ điểm. Thành viên B = $6 \text{ điểm} * 30\% = 1,8$ điểm. Điểm của nhà thầu liên danh là $6,3 + 1,8 = 8,1$ điểm. Trong trường hợp này, thành viên B không đáp ứng điểm tối thiểu và nhà thầu liên danh cũng không đáp ứng điểm tối thiểu.

+ Nếu thành viên A có 05 gói thầu tương tự, thành viên B có 02 gói thầu tương tự thì điểm được tính như sau: Thành viên A = $15 \text{ điểm} * 70\% = 10,5$ điểm. Thành viên B = $6 \text{ điểm} * 30\% = 1,8$ điểm. Điểm của nhà thầu liên danh là $10,5 + 1,8 = 12,3$ điểm. Trong trường hợp này, nhà thầu liên danh đáp ứng điểm tối thiểu

của nhưng thành viên B không đáp ứng điểm tối thiểu.

+ Nếu thành viên A có 05 gói thầu tương tự, thành viên B có 03 gói thầu tương tự thì điểm được tính như sau: Thành viên A = 15 điểm*70% = 10,5 điểm. Thành viên B = 9 điểm*30% = 2,7 điểm. Điểm của nhà thầu liên danh là 10,5+2,7 = 13,2 điểm. Trong trường hợp này, cả 02 thành viên đều đáp ứng điểm tối thiểu và nhà thầu liên danh cũng đáp ứng điểm tối thiểu.

Ví dụ 2 (mục 2, Bảng số 01 Webform - Chương III): Thỏa thuận liên danh phân chia tỷ lệ nhà thầu A là 60% và nhà thầu B là 40%, trường hợp nhà thầu A vi phạm uy tín thì điểm uy tín của nhà thầu A là 0 điểm, nhà thầu B không vi phạm thì điểm uy tín của nhà thầu B là 40%*5 = 2 điểm và điểm uy tín của nhà thầu liên danh là 2 điểm.

Ví dụ 3 (mục 3, Bảng số 01 Webform - Chương III): Thỏa thuận liên danh phân chia tỷ lệ nhà thầu A là 70% và nhà thầu B là 30%.

Trường hợp Giải pháp và phương pháp luận do nhà thầu liên danh lập đáp ứng các yêu cầu, riêng tiểu mục 3.e. Bố trí nhân sự - không trình bày: điểm mục 3.e bằng 0 (tương đương mất 6 điểm/30 điểm) → Điểm mục Giải pháp và phương pháp luận của nhà thầu liên danh = 24 điểm > (mức yêu cầu tối thiểu Mục 3 là 18 điểm)

- Nhà thầu A có số điểm đánh giá của mục 3. Giải pháp và phương pháp luận là: $24^{\text{điểm}} \times 70\% = 16,8^{\text{điểm}} >$ (yêu cầu tối thiểu theo tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh là $18^{\text{điểm}} \times 70\% = 12,6^{\text{điểm}}$)

- Nhà thầu B có số điểm đánh giá của mục 3. Giải pháp và phương pháp luận là: $24^{\text{điểm}} \times 30\% = 7,2^{\text{điểm}} >$ (yêu cầu tối thiểu theo tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh là $18^{\text{điểm}} \times 30\% = 5,4^{\text{điểm}}$)

Ví dụ 4 (mục 4 Bảng số 01 Webform - Chương III)

- Trường hợp 1: Gói thầu đang xét là Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị, trường hợp phân chia khối lượng công việc trong liên danh theo tỷ lệ thành viên A là 70% - thành viên B là 30% hoặc 50%-50% hoặc 40%-60%..., khi đó điểm chấm nhân sự chủ chốt của nhà thầu liên danh được tính toán trên cơ sở đề xuất của nhà thầu liên danh cho mỗi vị trí so với thang điểm mục 4 bảng số 01 Webform chương III. Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

- Trường hợp 2: Gói thầu đang xét là Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị, trường hợp phân chia theo nội dung công việc trong liên danh, thành viên A đảm nhận công tác X, thành viên B đảm nhận công tác Y. Thành viên A phải cử người đảm nhận vị trí nhân sự chủ chốt thực hiện công tác X, thành viên B phải cử người đảm nhận vị trí nhân sự chủ chốt thực hiện công tác Y, khi đó điểm chấm nhân sự chủ chốt của nhà thầu liên danh được tính toán trên cơ sở đề xuất của từng thành viên liên danh cho mỗi vị trí so với thang điểm mục 4 bảng số 01 Webform chương III. Điểm của từng thành viên liên danh được tính trên cơ sở điểm của nhà thầu liên danh nhân với (x) tỷ lệ % giá trị đảm nhận trong thỏa

thuận liên danh.